

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG QUAN TRIỀU

DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
QUÝ I, II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1476/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND phường Quan Triều)

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quý I/2026		Quý II/2026		Thành tiền quý I+II	Ghi chú
			Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)		
1	Trần Thị Dậu	Tổ dân phố 1	3	64.200	3	64.200	385.200	
2	Nguyễn Văn Lịch	Tổ dân phố 1	3	64.200	3	64.200	385.200	
3	Đỗ Thị Nguyên (Thơm)	Tổ dân phố 2	3	64.200	3	64.200	385.200	
4	Nguyễn Thị Kim Cúc	Tổ dân phố 2	3	64.200	3	64.200	385.200	
5	Mai Thị Thu	Tổ dân phố 3	3	64.200	3	64.200	385.200	
6	Bằng Thị Mười	Tổ dân phố 3	3	64.200	3	64.200	385.200	
7	Lê Thị Giai (Chủ hộ đã chết)	Tổ dân phố 5	3	64.200	3	64.200	385.200	
8	Nguyễn Thị Hoàn	Tổ dân phố 5	3	64.200	3	64.200	385.200	
9	Trần Thị Oanh	Tổ dân phố 6	3	64.200	3	64.200	385.200	
10	Lê Thị Mối	Tổ dân phố 6	3	64.200	3	64.200	385.200	
11	Nguyễn Thị Nụ	Tổ dân phố 7	3	64.200	3	64.200	385.200	
12	Trương Thị Lan	Tổ dân phố 7	3	64.200	3	64.200	385.200	

13	Lý Xuân Trường	Tổ dân phố 7	3	64.200	3	64.200	385.200	
14	Lưu Xuân Bắc	Tổ dân phố 7	3	64.200	3	64.200	385.200	
15	Trần Thị Hải	Tổ dân phố 7	3	64.200	3	64.200	385.200	
16	Lê Bá Đáng	Tổ dân phố 8	3	64.200	3	64.200	385.200	
17	Đỗ Thị Lan Anh	Tổ dân phố 8	3	64.200	3	64.200	385.200	
18	Phạm Thị Tuyết Nhung	Tổ dân phố 8	3	64.200	3	64.200	385.200	
19	Lưu Văn Dưỡng	Tổ dân phố 8	3	64.200	3	64.200	385.200	
20	Trần Thị Dung	Tổ dân phố 10	3	64.200	3	64.200	385.200	
21	Trần Văn Lợi	Tổ dân phố 11	3	64.200	3	64.200	385.200	
22	Đào Thị Hoa	Tổ dân phố 12	3	64.200	3	64.200	385.200	
23	Trịnh Thị Minh	Tổ dân phố 12	3	64.200	3	64.200	385.200	
24	Trần Thị Hòa	Tổ dân phố 12	3	64.200	3	64.200	385.200	
25	Cao Văn Mỹ	Tổ dân phố 13	3	64.200	3	64.200	385.200	
26	Ngô Đình Thịnh	Tổ dân phố 13	3	64.200	3	64.200	385.200	
27	Trần Thị Lê	Tổ dân phố 14	3	64.200	3	64.200	385.200	
28	Nguyễn Hữu Huy	Tổ dân phố 14	3	64.200	3	64.200	385.200	
29	Nguyễn Thị Thơ (Chủ hộ đã chết)	Tổ dân phố 14	3	64.200	3	64.200	385.200	
30	Trần Thị Tuyết Trinh	Tổ dân phố 15	3	64.200	3	64.200	385.200	
31	Phạm Thị Lý	Tổ dân phố 15	3	64.200	3	64.200	385.200	
32	Đỗ Thị Hà	Tổ dân phố 15	3	64.200	3	64.200	385.200	
33	Bùi Anh Tuấn	Tổ dân phố 16	3	64.200	3	64.200	385.200	
34	Nguyễn Thị Bích	Tổ dân phố 19	3	64.200	3	64.200	385.200	
35	Nguyễn Thị Nhâm	Tổ dân phố 22	3	64.200	3	64.200	385.200	

36	Nguyễn Thị Thái	Tổ dân phố 22	3	64.200	3	64.200	385.200	
37	Lý Lan Anh	Tổ dân phố 22	3	64.200	3	64.200	385.200	
38	Nguyễn Thị Hà	Tổ dân phố 25	3	64.200	3	64.200	385.200	
	Tổng						14.637.600	